

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 136/2024/HNGĐ – ST

Ngày 01/8/2024.

V/v: Xin ly hôn và con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bạ

2. Ông Hồ Tùng Mậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXX – HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thùy D, sinh năm 1989

Địa chỉ: D H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn H, sinh năm 1987

Địa chỉ: D H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Trong quá trình làm việc nguyên đơn bà Trần Thùy D trình bày:** Tôi và ông Đặng Văn H nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, ngày 12/12/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, hai lối sống khác nhau. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin được ly hôn với ông Đặng Văn H.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung: Cháu Đặng Trần Tấn P, sinh ngày 11/10/2017 và cháu Đặng Trần Tấn P1, sinh ngày 16/12/2021.

Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Bị đơn ông Đặng Văn H trình bày:** Giữa Tôi và bà Trần Thùy D tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường T, ngày 12/12/2014. Trong quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cơm áo gạo tiền, cuộc sống có nhiều khó khăn về kinh tế, chăm sóc con và do tính chất công việc của tôi thường xuyên trực ở cơ quan không thường xuyên về nhà và một số mâu thuẫn khác. Đối với bản thân tôi vẫn luôn yêu thương vợ con vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ xây dựng cho gia đình. Nên bà Trần Thùy D có đơn xin ly hôn thì tôi không đồng ý.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung: Cháu Đặng Trần Tấn P, sinh ngày 11/10/2017 và cháu Đặng Trần Tấn P1, sinh ngày 16/12/2021.

Nếu trường hợp ly hôn thì tôi đồng ý giao 02 con chung cho bà D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thùy D.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Trần Thùy D được ly hôn với ông Đặng Văn H.

- *Về con chung:* Giao Cháu Đặng Trần Tấn P, sinh ngày 11/10/2017 và cháu Đặng Trần Tấn P1, sinh ngày 16/12/2021 cho bà Trần Thùy D được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Đặng Văn H được quyền đi lại, thăm non, chăm sóc con chung không ai có quyền được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật.

Trước khi xét xử nguyên đơn bà Trần Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3]. Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định giữa bà Trần Thùy D và ông Đặng Văn H có chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/12/2014 trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, bản thân hai vợ chồng đã sống ly thân, mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, đối với ông H do vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn với bà D. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đặng Trần Tất P2, sinh ngày 11/10/2017 và cháu Đặng Trần Tấn P1, sinh ngày 16/12/2021. Sau khi ly hôn chị D có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm các bên không yêu cầu xem xét về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.1. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Mâu thuẫn giữa bà Trần Thùy D và ông Đặng Văn H đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình làm việc với Tòa án bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông H. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm các bên đều xác nhận quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, ngoài ra trong năm 2022 bà D đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H, do mong muốn hai vợ chồng được đoàn tụ nên bà D đã rút yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và đã được Tòa án đình chỉ theo quyết định số 230/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2022, tuy nhiên sau đó hai vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn mà không có biện pháp khắc phục và hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi đương sự cư trú thì thấy rằng: Trong cuộc sống hằng ngày giữa bà D và ông H có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thùy D đối với ông Đặng Văn H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. *Về con chung*: Trong quá trình chung sống với nhau giữa bà Trần Thùy D và ông Đặng Văn H có 02 con chung là cháu Đặng Trần Tất P2, sinh ngày 11/10/2017 và cháu Đặng Trần Tấn P1, sinh ngày 16/12/2021. Sau khi ly hôn chị D có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu, bản thân anh H xác định nếu trong trường hợp ly hôn vẫn đồng ý giao cả hai cháu cho chị D chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường, tránh ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, nên cần giao cháu Đặng Trần Tất P2, sinh ngày 11/10/2017 và cháu Đặng Trần Tấn P1, sinh ngày 16/12/2021 cho bà Trần Thùy D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Đặng Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền được cản trở.

3.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

3.4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Trần Thùy D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thùy D.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà Trần Thùy D được ly hôn với ông Đặng Văn H.

1.2. *Về con chung*: Giao cháu Đặng Trần Tất P2, sinh ngày 11/10/2017 và cháu Đặng Trần Tấn P1, sinh ngày 16/12/2021 cho bà Trần Thùy D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Ông Đặng Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền được cản trở.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà Trần Thùy D đã nộp theo biên lai số AA/2023/0009830 ngày 08/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôi